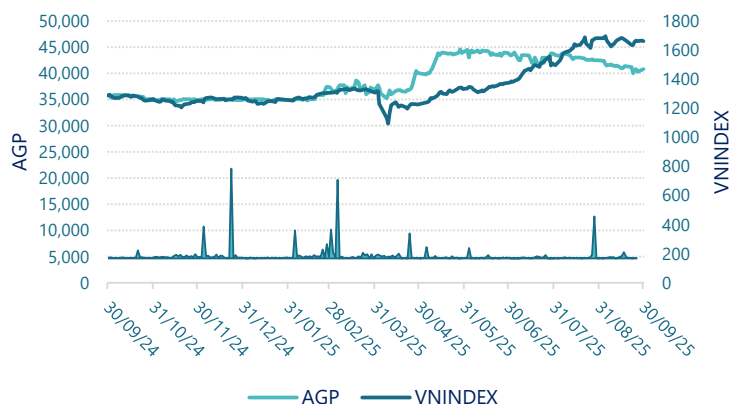


CTCP Dược phẩm Agimexpharm (UPCOM: AGP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	40,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	44,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,607
SL cổ phiếu LH	26,615,268
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,414
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,086
P/E	21.0
EPS	1,943

DT thuần

Q3/25

204

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.00 | -1.7%

YoY: ▲ 5.00 | 2.3%

LN sau thuế

Q3/25

12.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.40 | 12.5%

YoY: ▲ 0.20 | 1.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

12.6%

+/- YoY: ▲ 0.9%

DT thuần

9T 2025

611

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 41.0 | 7.3%

LN sau thuế

9T 2025

37.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.80 | 8.2%

ROE

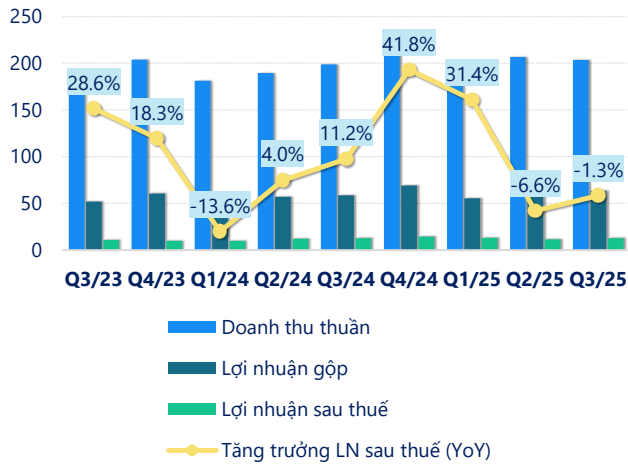
Q3/25

12.5%

+/- YoY: ▲ 0.4%

tỷ VNĐ

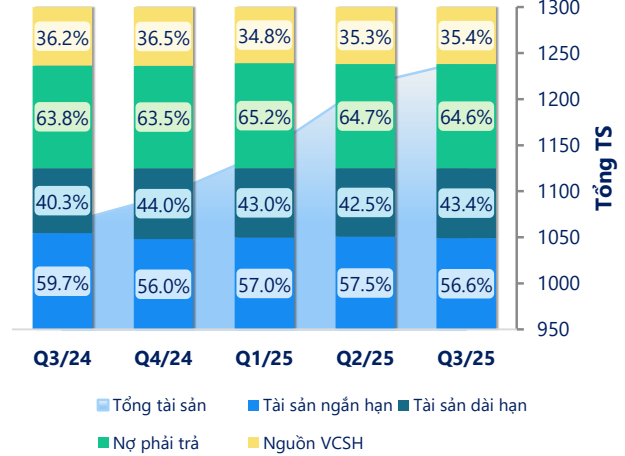
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

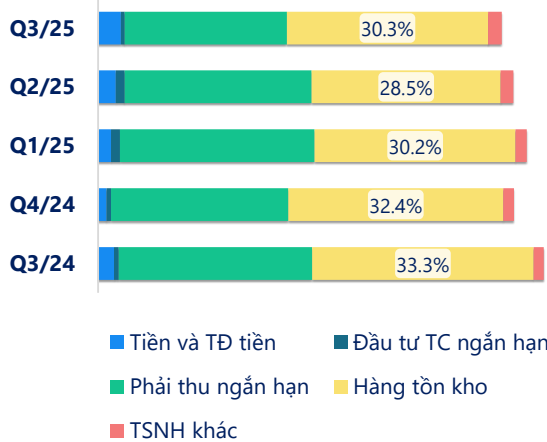
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



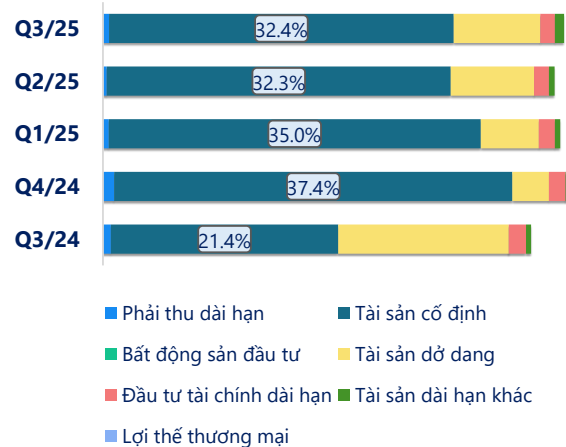
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

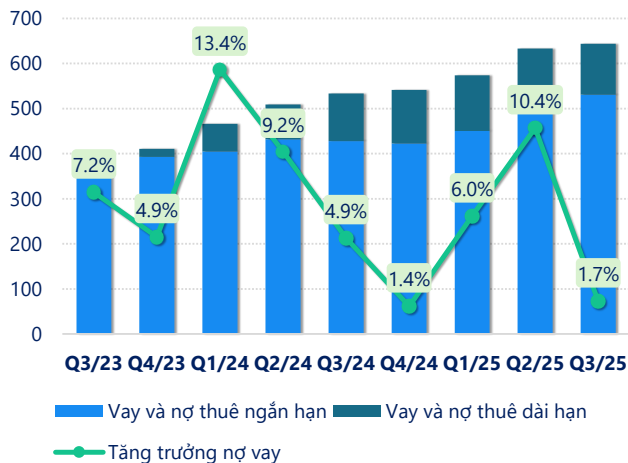
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

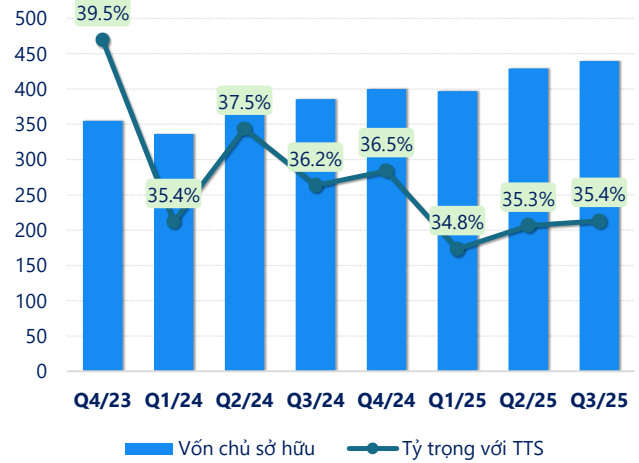
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

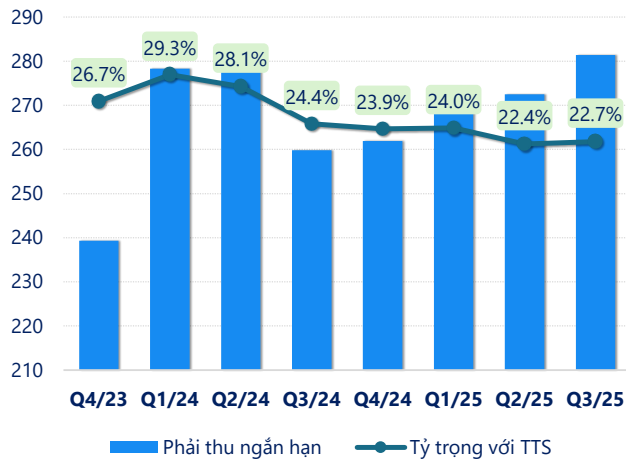
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



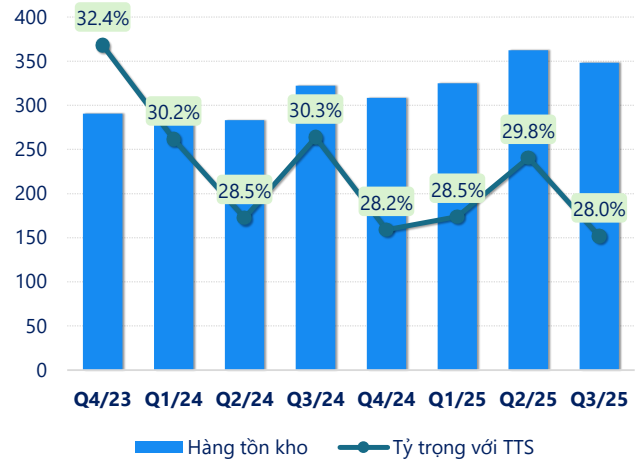
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


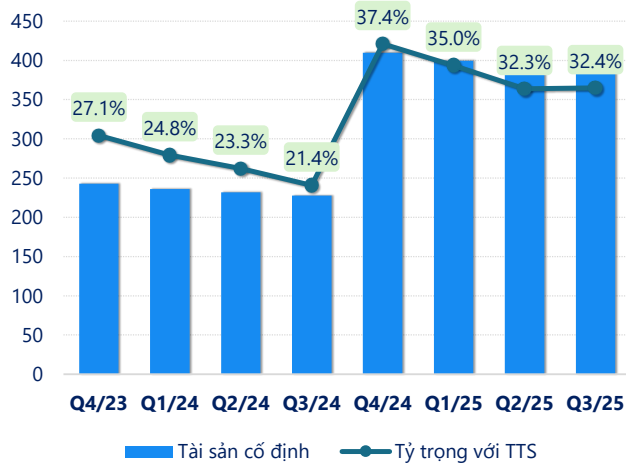
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


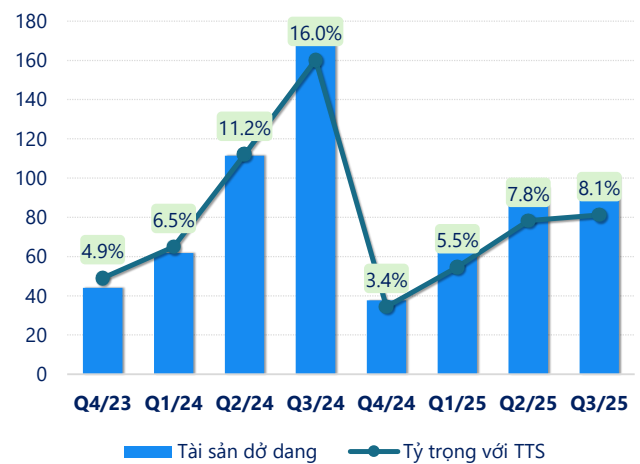
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

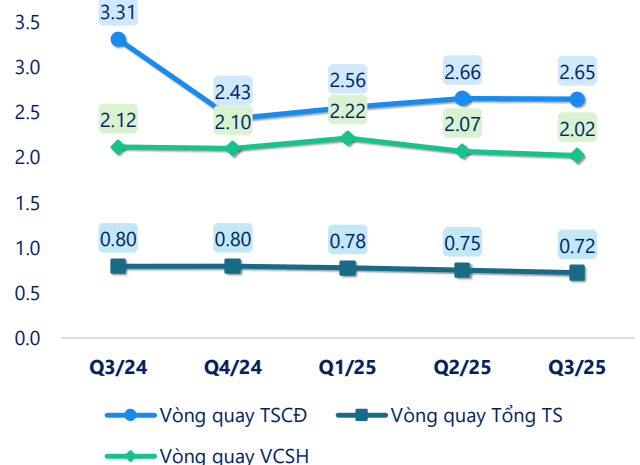
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,064	1,094	1,142	1,216	1,242
Tài sản ngắn hạn	636	613	651	699	703
Tiền và tương đương tiền	25.7	13.9	22.0	32.1	42.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.10	6.10	6.10	6.10	6.10
Phải thu ngắn hạn	260	262	274	272	281
Hàng tồn kho	322	308	325	362	348
Tài sản ngắn hạn khác	22.2	22.6	23.4	26.2	25.3
Tài sản dài hạn	428	481	491	516	538
Phải thu dài hạn	7.82	11.6	6.13	4.41	7.03
Tài sản cố định	228	410	399	393	403
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	171	37.6	62.3	95.1	101
Đầu tư tài chính dài hạn	17.1	17.1	17.1	17.1	17.1
Tài sản dài hạn khác	5.12	5.42	5.98	6.52	10.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	679	694	745	786	802
Nợ ngắn hạn	573	576	621	682	689
Vay và nợ thuê ngắn hạn	428	423	450	529	531
Phải trả người bán ngắn hạn	114	116	132	124	94.1
Nợ dài hạn	106	119	124	105	113
Vay và nợ thuê dài hạn	106	119	124	105	113
Nguồn vốn chủ sở hữu	385	400	397	429	440
Vốn chủ sở hữu	385	400	397	429	440
Vốn điều lệ	231	231	231	266	266
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)